TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Quang.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K cưới nhau vào ngày 19 tháng 7 khoảng năm 2002-2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B nay là xã T, huyện HN. Hôn nhân do mai mối và chị cũng đồng ý kết hôn cùng anh K. Sau khi cưới chị và anh K cùng sống chung với gia đình anh K được 15 năm, đến năm 2015 thì vợ chồng cất nhà ra ở riêng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do chị và anh K bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên uống rượu, cờ bạc như cá độ bóng đá, đánh bài 06 lá, chị đã nhiều lần khuyên bảo anh K nhưng không được. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Việc anh K trình bày khi anh K bệnh chị không chăm sóc là không đúng, anh K bệnh chị có thăm và nuôi anh K tại bệnh viện, không có nói lo làm không về được, khi chị về nhà thăm con chung thì anh K đóng cửa nhà, không cho chị vào nhà. Chị và anh K không còn sống chung từ tháng 2 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn K.

2. Về nuôi con chung: Chị và anh K chung sống có hai con chung, đều là con gái tên Huỳnh Thị Thiên M, sinh ngày 20/02/2007 và Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/10/2013. Hai con chung đang sinh sống cùng anh K từ khi chị về nhà cha mẹ ruột ở xã T sinh sống cho đến nay. Hiện tại con chung Thiên M đã đi làm ở thành phố HCM. Khi con chung Diễm N bệnh thì chị có về nhà thăm nhưng anh K không cho chị vào nhà, không cho chị chở con chung Diễm N đi chích thuốc. Từ khi chị về nhà cha mẹ ruột ở thì có cho tiền con chung Thiên M được 02 lần. Chị thống nhất giao hai con chung cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Khi nào con chung không có tiền thì gọi điện xin chị sẽ cho. Hiện chị buôn bán cá, thu nhập mỗi ngày được 270.000đ. Anh K thì buôn bán hòm, gần đây chị nghe nói anh K đi làm thợ hồ nhưng không biết thu nhập mỗi ngày được bao nhiêu tiền.

3. Về chia tài sản chung: Chị và anh K chung sống có 01 căn nhà cấp 4, chiều ngang 4,5m x chiều dài 18m và 2100m^2 đất ruộng, không biết số thửa đất, tờ bản đồ, tọa lạc tại thị trấn T, do anh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà và đất ruộng do anh K quản lý, sử dụng. Hiện đất ruộng cho anh ông Hồ, không biết họ tên người thuê đất làm, tiền cho thuê đất thì vợ chồng cùng sử dụng, anh K là người cho thuê đất, không phải chị cho thuê, vợ chồng có 02 chiếc xe honda không nhớ biển số, hiệu xe đều do chị đứng tên quyền sở hữu, xe honda thì chị và anh K mỗi người quản lý một chiếc nhưng chiếc xe của anh K đã bán rồi. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác. Chị thống nhất tài sản chung gồm nhà, đất ruộng để lại cho hai con chung là Thiên M và Diễm N, còn xe honda chị và anh K đã tự chia mỗi người một chiếc nên tài sản chung chị và anh K đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án. Chị không có giữ 39.000.000đ tiền mua xe ban đầu, khi còn sống chung với anh K chị tham gia hụi nên để giành được tiền mua 01 bộ vòng vàng 18kra có trọng lượng 04 chỉ 08 phân, vàng là tài sản riêng của chị, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

4. Về nợ chung: Chị và anh K chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Văn K đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh K vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2022 anh K, trình bày: Anh là chồng chị N. Anh và chị N cưới nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã TP2, huyện HN. Hôn nhân do mai mối, sau khi cưới sống bên gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tết Nguyên đán năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N nói với anh là về nhà cha mẹ ruột làm ăn, anh thấy vợ lo làm kiếm tiền nên đồng ý, từ lúc bỏ đi thì chị N không về nhà nữa, cách đây 02 tháng anh bệnh nặng không ai chăm sóc nhưng chị N nói lo làm không về được. Con chung Diễm N hiện bị bệnh chị N không về thăm con. Chị N khai anh thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc đó là chuyện mấy năm trước hiện tại anh không có nhậu nhẹt, cờ bạc gì hết. Nay chị N yêu cầu ly hôn mặc dù anh còn tình cảm với chị N nhưng chị N kiên quyết thì tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Con chung thì vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thiên M, sinh ngày 20/02/2007 và Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/10/2013, hiện Thiên M đi làm ở Thành phố HCM còn Diễm N thì sống với anh từ lúc chị N bỏ đi, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, hiện tại anh kinh doanh trại hòm và làm thuê, thu nhập cũng không ổn định nhưng anh đủ khả năng kinh tế để nuôi con còn chị N thì anh nghe nói là đi buôn lậu đường nhưng hiện nay còn làm hay không thì anh không rõ, thu nhập bao nhiêu anh cũng không rõ. Về tài sản chung thì vợ chồng có tài sản chung là 02 công đất ruộng, không nhớ số thửa đất, tờ bản đồ tọa lạc khóm 2, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT, chiếc xe tay ga Novo 5 chị N tự bán xe đổi lại xe khác và vàng nữ trang số lượng bao nhiêu anh không biết. Anh yêu cầu chị N phải trả lại 02 công đất mà chị N cho người khác thuê và tiền mua xe ban đầu là 39.000.000đ để anh nuôi con, còn vàng thì anh không yêu cầu, thống nhất cho chị N quản lý, sử dụng. Cán bộ Tòa án có hướng dẫn anh làm đơn chia tài sản chung, anh sẽ suy nghĩ trong thời gian 15 ngày có làm đơn yêu cầu chia tài sản chung hay không. Nếu sau 15 ngày anh chưa nộp đơn thì Tòa án giải quyết theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Huỳnh Văn K. Về con chung: Giao hai con chung con chung Huỳnh Thị Thiên M, sinh ngày 20/02/2007 và Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/10/2013 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh K không yêu cầu, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Tuyết N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Huỳnh Văn K. Hiện anh K đang cư trú tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Huỳnh Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh K vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Tuyết N và anh Huỳnh Văn K được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 08/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B nay là xã T, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị N, anh K đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị N, anh K đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ tháng 2 năm 2022 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2022 anh Huỳnh Văn K trình bày "Tết Nguyên đán năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N nói với anh là về nhà cha mẹ ruột làm ăn, anh thấy vợ lo làm kiếm tiền nên đồng ý, từ lúc bỏ đi thì chị N không về nhà nữa, cách đây 02 tháng anh bệnh nặng không ai chăm sóc nhưng chị N nói lo làm không về được. Con chung Diễm N hiện bị bệnh chị N không về thăm con. Chị N khai anh thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc đó là chuyện mấy năm trước hiện tại anh không có nhậu nhẹt, cờ bạc gì hết. Nay chị N yêu cầu ly hôn mặc dù anh còn tình cảm với chị N nhưng chị N kiên quyết thì tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật". Đồng thời, anh K đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ

thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh K cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị N. Điều này, cho thấy anh K không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa chị N, anh K không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Huỳnh Văn K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Con chung Huỳnh Thị Thiên M, sinh ngày 20/02/2007 hiện đã đi làm tại Thành phố HCM nên không thể hiện ý kiến của mình là sinh sống cùng ai nếu cha mẹ ly hôn và con chung Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/10/2013 hiện đang sinh sống cùng anh K và có nguyện vọng sống cùng anh K. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2022 anh K cũng yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và chị N cũng thống nhất giao hai con chung Diễm N và Thiên M cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao con chung Thiên M, Diễm N cho anh K được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Chị N trình bày, tài sản chung chị và anh K đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2022 anh K trình bày yêu cầu chị N trả lại 02 công đất ruộng và số tiền mua xe ban đầu là 39.000.000đ nhưng anh K không làm đơn yêu cầu chị N chia tài sản chung gởi cho Tòa án theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập đến, nếu có tranh chấp về tài sản thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[9] Về nợ chung: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Huỳnh Văn K thống nhất, trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003889 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết N. Cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Huỳnh Văn K.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Huỳnh Thị Thiên M, sinh ngày 20/02/2007 và con chung Huỳnh Thị Diễm N, sinh ngày 14/10/2013 cho anh Huỳnh Văn K được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị Trần Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết N chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003889 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung